

TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - NGÀY 29/5/2022

Phòng thi: 01

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	T0001	Đặng Cao Hoàng	Anh	13/06/1975	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
2	T0002	Tôn Nữ Hoàng	Anh	28/06/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
3	T0003	Trương Võ	Anh	02/04/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
4	T0004	Phạm Văn	Cường	04/01/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
5	T0005	Lê Quốc	Duy	03/10/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
6	T0006	Nguyễn Thị Kim	Hà	20/03/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
7	T0007	Lê Văn	Hoàng	18/06/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
8	T0008	Đinh Sang	Hữu	28/12/2003	Quảng Ngãi	Nam	H're	
9	T0009	Đặng Anh	Kiệt	22/10/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
10	T0010	Lê Thị Minh	Khoa	12/01/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
11	T0011	Lê Thị	Liên	24/09/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
12	T0012	Lê Thị Li	Loan	22/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
13	T0013	Trần Văn	Long	16/07/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	
14	T0014	Đặng Quang	Luật	02/09/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
15	T0015	Lê Li	Na	24/11/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
16	T0016	Võ Thị Hồng	Ny	01/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
17	T0017	Phạm Thị	Như	12/11/2001	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	
18	T0018	Trần Long	Phi	16/08/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
19	T0019	Nguyễn Duy	Phong	01/02/1987	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
20	T0020	Bùi Văn	Quân	27/02/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
21	T0021	Nguyễn Phạm Nhã	Quyên	10/09/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
22	T0022	Nguyễn Tấn	Sang	12/12/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	

Danh sách này có: 22 thí sinh.

TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN - NGÀY 29/5/2022

Phòng thi: 02

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	T0023	Võ Thanh	Sang	27/02/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
2	T0024	Huỳnh Văn	Sĩ	10/03/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
3	T0025	Võ Anh	Tài	20/03/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
4	T0026	Bùi Tá	Tú	09/07/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
5	T0027	Hồ Thị Thanh	Thắm	15/09/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Co	
6	T0028	Phạm Văn	Thanh	18/02/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
7	T0029	Đinh Thị	Thành	07/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	H're	
8	T0030	Huỳnh Phương	Thảo	26/07/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
9	T0031	Huỳnh Nguyễn Hồng	Thắm	04/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
10	T0032	Phạm Công	Thuận	10/10/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
11	T0033	Nguyễn Ngọc	Thủy	06/11/1981	Quảng Nam	Nam	Kinh	
12	T0034	Nguyễn Thị Hà	Trang	01/01/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
13	T0035	Nguyễn Tấn	Triều	10/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	
14	T0036	Trần Thị Cẩm	Vy	08/03/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	
15	T0037	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	10/04/1999	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	
16	T0038	Huỳnh Ngọc	Hiệp	12/04/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Thi lại 2 môn
17	T0039	Lê Văn	Quân	15/12/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Thi lại 2 môn
18	T0040	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/01/1983	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Thi lại TH
19	T0041	Nguyễn Tấn	Khánh	21/09/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Thi lại TH
20	T0042	Lê Thành	Long	25/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Thi lại TH
21	T0043	Detsalavanh	Alita	05/05/1999	Lào	Nữ	Lào	Thi lại LT
22	T0044	Cao Thị Mỹ	Hoa	11/04/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Thi lại LT
23	T0045	Phạm Thị Y	Lan	12/02/2001	Quảng Ngãi	Nữ	H're	Thi lại LT
24	T0046	Khamsadet	Salamya	21/12/1999	Lào	Nam	Lào	Thi lại LT
25	T0047	Võ Ngọc	Hảo	08/02/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Thi lại LT

Danh sách này có: 25 thí sinh.